PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA • PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

KINH PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ

Sukhāvatī-vyūha Sūtra (Bản Tụng Chùa Chữ To)



Ấn bản kinh tụng bìa vàng truyền thống • Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh • NXB Tôn Giáo

☸ **Chứng Tín:** Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập Hán dịch

☸ **Việt Dịch:** Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

☸ **Công Năng:** Khóa Lễ Công Phu Chiều, Cầu An, Cầu Siêu, Niệm Phật Tam Muội & Vãng Sanh Tây Phương

☸ **Đặc Điểm:** Trọn vẹn 6 phân đoạn, Kệ Tán Phật, Thập Niệm, Chú Vãng Sanh và Nghi Thức Tụng Niệm trang nghiêm

Ấn Bản Kỹ Thuật Số Trang Nghiêm • Ứng Dụng Niệm (niem.app / tungkinh.xyz)

Cầu chúc chư Phật tử thân tâm an lạc, Bồ Đề tâm kiên cố, đồng đăng Cực Lạc quốc.

PHẦN I: NGHI THỨC KHỞI ĐẦU KHÓA LỄ

1. Nguyện Hương

Nguyện đem lòng thành kính,
Gửi theo đám mây hương,
Phảng phất khắp mười phương,
Cúng dường ngôi Tam Bảo.
Thề trọn đời giữ đạo,
Theo tự tánh làm lành,
Cùng pháp giới chúng sinh,
Cầu Phật từ gia hộ:
Tâm Bồ Đề kiên cố,
Chí tu học vững bền,
Xa biển khổ nguồn mê,
Chóng quay về bến giác.
Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần, 1 lạy)

2. Tán Phật & Kệ Khể Thủ Tây Phương

Đấng Pháp Vương vô thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loài.
Quy y tròn một niệm,
Dứt sạch nghiệp ba kỳ,
Xưng dương cùng tán thán,
Ức kiếp không cùng tận.

Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc,
Tiếp dẫn chúng sinh Đại Đạo sư.
Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh,
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ.

> Nam mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lạy)

PHẦN II: TOÀN VĂN KINH PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ

Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch nghĩa • 42 Tiết mục kinh văn chuẩn mực thiền môn

☸ 1. Duyên Khởi Pháp Hội Cực Lạc

Câu 1

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật ở nơi vườn Kỳ Thọ, Cấp Cô Độc nước Xá-Vệ.

Phạn ngữ IAST: Evaṃ mayā śrutam: ekasmin samaye Bhagavān Śrāvastyāṃ viharati sma Jetavane 'nāthapiṇḍadasyārāme.

> **Diễn giải:** Lời mở đầu bất hủ của Tôn giả A-Nan xác chứng bài kinh do chính kim ngôn Đức Thế Tôn thuyết giảng tại tịnh xá Kỳ Viên.

Câu 2

Cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo câu hội, đều là bậc Đại A-La-Hán mọi người đều quen biết.

Phạn ngữ IAST: Mahatā bhikṣu-saṃghena sārdham ardha-trayodaśabhir bhikṣu-śataiḥ sarvair abhijñātābhijñātaiḥ mahā-śrāvakaiḥ.

> **Diễn giải:** Hội chúng thanh tịnh gồm 1.250 vị Đại Tỳ-kheo đắc quả vô lậu A-La-Hán, đầy đủ lục thông, đạo hạnh trang nghiêm.

Câu 3

Đó là: Trưởng lão Xá-Lợi-Phất, Đại Mục-Kiền-Liên, Đại Ca-Diếp, Ma-Ha Ca-Chiên-Diên, Ma-Ha Câu-Hy-La, Ly-Bà-Đa, Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già, Nan-Đà, A-Nan-Đà, La-Hầu-La, Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa, Ca-Lưu-Đà-Di, Ma-Ha Kiếp-Tân-Na, Bạc-Câu-La, A-Nậu-Lâu-Đà, v.v... các vị đại đệ tử như thế.

Phạn ngữ IAST: Tadyathā: Jñāna-vṛddhaḥ Śāriputrah, Mahā-Maudgalyāyanah, Mahā-Kāśyapah, Mahā-Kātyāyanah, Mahā-Kauṣṭhilah, Revatah, Śuddhipanthakah, Nandah, Ānandah, Rāhulah, Gavāṃpatih, Piṇḍola-Bhāradvājah, Kālodayī, Mahā-Kapphiṇah, Vakkulah, Aniruddhah.

> **Diễn giải:** Các bậc Thượng thủ thanh văn tiêu biểu cho trí tuệ, thần thông, đầu đà, thuyết pháp và đa văn bậc nhất của Tăng đoàn.

Câu 4

Và các vị Đại Bồ-Tát: Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, A-Dật-Đa Bồ-Tát, Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, Thường-Tinh-Tấn Bồ-Tát, cùng với các vị Đại Bồ-Tát như thế.

Phạn ngữ IAST: Sārdhaṃ ca bodhisattvair mahāsattvaiḥ: Mañjuśriyā ca kumārabhūtena, Ajitena ca bodhisattvena, Gandhahastinā ca, Nityodyuktena ca bodhisattvena.

> **Diễn giải:** Chư Đại Bồ Tát đại diện cho trí tuệ căn bản, từ bi vô lượng, tinh tấn không mệt mỏi cùng dự pháp hội vi diệu.

Câu 5

Lại có Thích-Đề-Hoàn-Nhân cùng vô lượng chư Thiên đại chúng đồng đến dự hội.

Phạn ngữ IAST: Śakreṇa ca devānām indreṇa bahubhiś ca devaputra-sahasrair yataḥ sarvavatī parṣad.

> **Diễn giải:** Vua trời Đế Thích cùng chư thiên cõi Dục, cõi Sắc đều vân tập cung kính lắng nghe diệu pháp tiếp dẫn độ sinh.

Câu 6

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng lão Xá-Lợi-Phất rằng: Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc.

Phạn ngữ IAST: Atha kho Bhagavān āyuṣmantaṃ Śāriputram āmantrayāmāsa: Asti Śāriputra paścimāyāṃ diśi ito buddhakṣetra-koṭi-śatasahasram atikramya Sukhāvatī nāma lokadhātuḥ.

> **Diễn giải:** Đức Phật không đợi thỉnh vấn mà tự tuyên thuyết, chỉ rõ phương vị thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm.

Câu 7

Cõi đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà, hiện nay đang thuyết pháp.

Phạn ngữ IAST: Tatra Amitāyus nāma tathāgato 'rhan samyaksambuddha etarhi tiṣṭhati dhriyate yāpayati dharmaṃ ca deśayati.

> **Diễn giải:** Giới thiệu Chánh Báo tôn quý: Đức Phật A Di Đà - Giáo chủ cõi Tây Phương đang ngày đêm chuyển pháp luân cứu độ muôn loài.

☸ 2. Y Báo Trang Nghiêm Cõi Cực Lạc

Câu 8

Xá-Lợi-Phất! Vì sao cõi đó tên là Cực Lạc? Vì chúng sinh trong cõi đó không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc.

Phạn ngữ IAST: Tat kiṃ manyase Śāriputra kena kāraṇena sā lokadhātuḥ Sukhāvatīty ucyate? Tatra hi Śāriputra Sukhāvatyāṃ lokadhātau na saṃvidyante duḥkhāni, kevalānāṃ sukhānāṃ pratisaṃvedanā.

> **Diễn giải:** Định nghĩa ý nghĩa Cực Lạc (Sukhāvatī): Hoàn toàn vắng bóng tam đồ ác đạo và mọi nỗi khổ đau sinh lão bệnh tử, chỉ có niềm an lạc thuần khiết Niết-bàn.

Câu 9

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi Cực Lạc có bảy tầng lan can, bảy tầng màng lưới, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc chung quanh, vì thế nên gọi là Cực Lạc.

Phạn ngữ IAST: Punar aparaṃ Śāriputra Sukhāvatī lokadhātuḥ saptabhiḥ vedikābhiḥ saptabhiḥ tāla-paṅktibhiḥ kiṅkiṇī-jālaiś ca pariksiptā sarva-ratnamayī.

> **Diễn giải:** Cảnh giới y báo trang nghiêm: biểu trưng cho Thất Bồ Đề Phần (thất giác chi) và tứ đức Thường Lạc Ngã Tịnh làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê.

Câu 10

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi Cực Lạc có ao bằng bảy chất báu, chứa đầy nước tám công đức.

Phạn ngữ IAST: Punar aparaṃ Śāriputra Sukhāvatyāṃ lokadhātau sapta-ratnamayyaḥ puṣkariṇyaḥ aṣṭāṅgopeta-vāri-paripūrṇāḥ.

> **Diễn giải:** Ao Thất Bảo và Nước Bát Công Đức: lóng trong, mát mẻ, ngọt ngào, êm nhẹ, nhuận trạch, an hòa, trừ đói khát và nuôi lớn các căn lành.

Câu 11

Đáy ao thuần rải cát vàng. Bốn bên bờ ao có đường đi bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hiệp thành.

Phạn ngữ IAST: Suvarṇa-vāluka-saṃstṛtāḥ, catur-diśam catvāri sopānāni maṇi-ratnamayāni.

> **Diễn giải:** Đáy ao rải cát vàng kim tinh khiết, bậc thềm bốn phương bằng ngọc báu rạng ngời dẫn lối cho các bậc thượng thiện nhân dạo bước.

Câu 12

Trên thềm có lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

Phạn ngữ IAST: Kūṭāgārāḥ sapta-ratnamayāś ca suvarṇa-rūpya-vaiḍūrya-sphaṭika-musāragalva-lohitamukta-aśmagarbhaiḥ.

> **Diễn giải:** Các tầng lầu các cung điện nguy nga tráng lệ, biểu trưng cho phước đức và công hạnh trang nghiêm tròn vẹn của hành giả vãng sanh.

Câu 13

Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe: hoa sắc xanh thời ánh sáng xanh, hoa sắc vàng thời ánh sáng vàng, hoa sắc đỏ thời ánh sáng đỏ, hoa sắc trắng thời ánh sáng trắng, mầu nhiệm thơm tho trong sạch.

Phạn ngữ IAST: Tāsveva puṣkariṇīṣu nīlotpala-padma-kumuda-puṇḍarīkāni cakramātrāṇi: nīlāni nīla-nirbhāsāni, pītāni pīta-nirbhāsāni, lohitāni lohita-nirbhāsāni, avadātāni avadāta-nirbhāsāni sugandhīni.

> **Diễn giải:** Hoa sen bốn màu vi diệu (vi diệu hương khiết) hóa sinh các bậc hành giả niệm Phật, không trải qua thai tạng ô uế cõi trần.

Câu 14

Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Phạn ngữ IAST: Evaṃ-rūpaiḥ Śāriputra buddhakṣetra-guṇa-vyūhaiḥ sama-laṅkṛtā sā lokadhātuḥ.

> **Diễn giải:** Lời Đức Thế Tôn đúc kết tán thán đại nguyện 48 lời thề cứu độ sâu rộng của Phật A Di Đà đã tạo dựng nên cõi nước thù thắng khôn cùng.

Câu 15

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của Đức Phật đó thường trỗi nhạc trời, đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa mạn-đà-la.

Phạn ngữ IAST: Punar aparaṃ Śāriputra tatra divyāni vādyāni pravādyante, suvarṇamayī ca mahāpṛthivī, triṣkṛtvo rātrau triṣkṛtvo divase divyāni māndārava-puṣpāṇi prapatanti.

> **Diễn giải:** Âm nhạc giải thoát vang lừng khắp hư không, đất thuần vàng thanh tịnh, mưa hoa trời Mạn-đà-la bay lượn ngát hương giải thoát.

Câu 16

Chúng sinh trong cõi đó thường vào lúc sáng sớm, đều lấy đãy hoa đựng những hoa thơm vi diệu đem cúng dường mười muôn ức Đức Phật ở phương khác.

Phạn ngữ IAST: Tatra ye sattvāḥ te prātarevotthāya puṣpa-puṭaiḥ divyāni puṣpāṇi gṛhītvā anyāni buddhakṣetra-koṭīḥ pūjayanti.

> **Diễn giải:** Chư đại chúng thần thông vô ngại, chỉ trong một bữa ăn đã đi cúng dường mười phương chư Phật rồi trở về cõi nước đi kinh hành an tịnh.

Câu 17

Lại nữa Xá-Lợi-Phất! Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp kỳ diệu: chim Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cọng Mạng.

Phạn ngữ IAST: Punar aparaṃ Śāriputra santi tasyāṃ lokadhātau haṃsāḥ krauñcāḥ mayūrāḥ śukāḥ śārikāḥ kokilāḥ kalaviṅkā jīvañjīvakāś ca.

> **Diễn giải:** Các loài chim quý hóa hiện để thuyết pháp nhiệm mầu, không phải do nghiệp báo súc sinh chiêu cảm.

Câu 18

Các giống chim đó ngày đêm sáu thời hót tiếng hòa nhã, diễn nói các pháp như: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần.

Phạn ngữ IAST: Te rātriṃ-divaṃ samgītiṃ kurvanti pañcendriyāṇi pañca-balāni sapta-bodhyaṅgāny aṣṭāṅga-mārgaṃ ca samprakāśayanti.

> **Diễn giải:** Tiếng chim hót vang vọng thành pháp âm 37 phẩm trợ đạo, giúp người nghe liền nhiếp tâm thanh tịnh, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Câu 19

Xá-Lợi-Phất! Ông chớ bảo các giống chim đó do tội báo mà sinh ra. Vì sao? Vì cõi của Đức Phật đó không có ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh.

Phạn ngữ IAST: Na khalu punaḥ Śāriputra evaṃ draṣṭavyaṃ tiryag-yoni-gatās te sattvāḥ. Tat kasya hetoḥ? Nāmāpi Śāriputra tasyāṃ lokadhātau nirayāṇāṃ nāsti, na tiryag-yonīnām, na yamalokasya.

> **Diễn giải:** Đức Phật khẳng định Cực Lạc hoàn toàn không có tên của tam ác đạo, chim muông đều là biến hóa của Phật A Di Đà để truyền bá chánh pháp.

Câu 20

Lại này Xá-Lợi-Phất! Trong cõi nước của Đức Phật đó, gió nhẹ thổi lay các hàng cây báu và màng lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu như trăm nghìn thứ hòa nhạc đồng trỗi một lúc.

Phạn ngữ IAST: Punar aparaṃ Śāriputra tatra vāteritāni tāla-paṅktayaḥ kiṅkiṇī-jālāni ca madhura-manojñaṃ ninādaṃ niścaranti tadyathā koṭī-śata-sahasrikāṇi tūryāṇi.

> **Diễn giải:** Gió lay cành báu phát ra âm thanh thanh tịnh vi diệu, ai nghe tiếng đó tự nhiên đều sinh tâm kính tín Tam Bảo sâu xa.

☸ 3. Chánh Báo Đức Phật A Di Đà

Câu 21

Xá-Lợi-Phất! Nơi ý ông nghĩ sao? Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?

Phạn ngữ IAST: Tat kiṃ manyase Śāriputra kena kāraṇena sa tathāgato 'mitāyur nāmocyate?

> **Diễn giải:** Đức Thế Tôn khai thị nguồn gốc và chân nghĩa vô lượng quang minh, vô lượng thọ mạng của danh hiệu Phật A Di Đà.

Câu 22

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật đó ánh sáng vô lượng, chiếu suốt mười phương các cõi nước không bị chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà (Vô Lượng Quang).

Phạn ngữ IAST: Tasya khalu punaḥ Śāriputra tathāgatasyābhayā apratihatā sarva-buddhakṣetreṣu sphuraṇā, tasmāt sa tathāgato 'mitābho nāmocyate.

> **Diễn giải:** Chữ AMITĀBHA: Ánh quang minh rực rỡ vô cùng tận, phá tan bóng đêm vô minh u tối của muôn loài trong mười phương pháp giới.

Câu 23

Lại này Xá-Lợi-Phất! Tuổi thọ của Đức Phật đó và nhân dân của Ngài vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên hiệu là A Di Đà (Vô Lượng Thọ).

Phạn ngữ IAST: Aparimitaṃ ca Śāriputra tasya tathāgatasya teṣāṃ ca manusyāṇām āyus-pramāṇaṃ asaṃkhyeya-kalpāḥ, tasmāt sa tathāgato 'mitāyur nāmocyate.

> **Diễn giải:** Chữ AMITĀYUS: Thọ mạng bất sinh bất diệt trường tồn vô tận, bảo đảm cho hành giả vãng sanh tu tập thẳng đến quả vị Phật không hề thoái chuyển.

Câu 24

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp.

Phạn ngữ IAST: Daśa kalpāḥ Śāriputra sa tathāgato 'nuttarāṃ samyaksambodhim abhisaṃbuddhaḥ.

> **Diễn giải:** Xác định thời gian thành đạo viên mãn của Đức Phật A Di Đà từ khi hoàn thành 48 đại nguyện vĩ đại lúc còn là Tỳ-kheo Pháp Tạng.

Câu 25

Lại này Xá-Lợi-Phất! Đức Phật đó có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là bậc A-La-Hán, chẳng phải tính đếm mà có thể biết được; hàng chúng Bồ-Tát cũng đông như thế.

Phạn ngữ IAST: Tasya khalu punaḥ Śāriputra tathāgatasya aprameyāḥ śrāvaka-saṃghāḥ sarve 'rhantaḥ, bodhisattvāś ca aprameyāḥ.

> **Diễn giải:** Thánh chúng thanh tịnh vây quanh nhiều vô số kể như cát sông Hằng, cùng trợ duyên giáo hóa khắp cõi mười phương.

Câu 26

Chúng sinh sinh vào cõi Cực Lạc đều là bậc Bất Thoái Chuyển, trong đó có rất nhiều vị Nhất Sinh Bổ Xứ, số đó rất đông, chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ để nói thôi.

Phạn ngữ IAST: Tatra ye Śāriputra sattvāḥ Sukhāvatyāṃ lokadhātau upapannāḥ sarve te 'vinivartanīyāḥ, eka-jāti-pratibaddhāś ca aprameyā asaṃkhyeyāḥ.

> **Diễn giải:** Tất cả chúng sinh vãng sanh đều đắc quả vị Bất Thoái Chuyển (Avinivartanīya), tức một đời bổ xứ thành Phật (nhất sinh bổ xứ).

☸ 4. Pháp Môn Chấp Trì Danh Hiệu (Nhất Tâm Bất Loạn)

Câu 27

Xá-Lợi-Phất! Chúng sinh nghe rồi, nên phải phát nguyện cầu sinh về cõi nước đó. Vì sao? Vì được cùng với các bậc Thượng Thiện Nhân câu hội một chỗ.

Phạn ngữ IAST: Tasmāt tarhi Śāriputra sattvena tatra buddhakṣetre cittaṃ praṇidhātavyaṃ: Tat kasya hetoḥ? Yatra hi nāma tathā-rūpaiḥ sat-puruṣaiḥ saha samavadhānaṃ bhavati.

> **Diễn giải:** Lời khuyên tha thiết của Đức Phật: Hãy phát Bồ Đề tâm nguyện vãng sanh Cực Lạc để sớm hôm kề cận học đạo cùng chư đại Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí.

Câu 28

Xá-Lợi-Phất! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sinh về cõi đó.

Phạn ngữ IAST: Nāvara-mātrakeṇa Śāriputra kuśala-mūlena Sukhāvatyāṃ lokadhātau sattvā upapadyante.

> **Diễn giải:** Cảnh báo căn bản: Phước thiện hữu lậu thế gian không đủ đưa đến giải thoát, cần nương vào đại nguyện tha lực vô biên của Phật A Di Đà.

Câu 29

Xá-Lợi-Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe nói Đức Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm bất loạn.

Phạn ngữ IAST: Yaḥ kaścit Śāriputra kula-putro vā kula-duhitā vā tasya Bhagavatas Tathāgatasyāmitāyuṣo nāmadheyaṃ śrutvā manasi-kuryāt, ekarātraṃ vā dvirātraṃ vā trirātraṃ vā catū-rātraṃ vā pañcarātraṃ vā ṣaḍrātraṃ vā saptarātraṃ vā aviksipta-cittaḥ.

> **Diễn giải:** Trọng tâm phương pháp tu trì: Chuyên tâm niệm câu danh hiệu 'Nam Mô A Di Đà Phật' từ 1 đến 7 ngày đạt đến trạng thái Nhất Tâm Bất Loạn (định tâm thanh tịnh).

Câu 30

Thời người đó khi lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh chúng hiện thân ở trước mặt.

Phạn ngữ IAST: Tasya kālaṃ kurvataḥ so 'mitāyus tathāgataḥ parivṛtaḥ puratah sthāsyati.

> **Diễn giải:** Hứa khả chắc thật: Lúc hơi thở cuối cùng rời thân xác, Đức Phật A Di Đà phóng quang minh tiếp dẫn, xua tan mọi nỗi kinh hoàng sợ hãi của cõi chết.

Câu 31

Người đó lúc chết tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Phạn ngữ IAST: Sa aviparyasta-cittaḥ kālaṃ kṛtvā tasyām evāmitāyuṣas tathāgatasya Sukhāvatyāṃ lokadhātāv upapatsyate.

> **Diễn giải:** Nhờ tha lực của Phật, tâm hành giả trụ chánh niệm an nhiên tĩnh tại, lập tức thác sinh trong hoa sen thất bảo nơi cõi Tây Phương Cực Lạc.

Câu 32

Xá-Lợi-Phất! Ta thấy điều lợi ích đó nên mới nói những lời như thế. Nếu có chúng sinh nào nghe những lời đó, thời nên phải phát nguyện sinh về cõi nước đó.

Phạn ngữ IAST: Aham Śāriputra idam dṛṣṭvā vadāmi: Tasmāt tarhi Śāriputra śraddhadhātaiṣu vacaneṣu cittam praṇidadhatu.

> **Diễn giải:** Lời chứng thực từ kim khẩu Đức Thích Ca: Vì lòng đại bi thấy rõ lợi ích thù thắng vượt thoát luân hồi trong một đời nên khẩn thiết khuyên chúng sinh phát nguyện.

☸ 5. Sáu Phương Chư Phật Đồng Tán Thán Hộ Niệm

Câu 33

Xá-Lợi-Phất! Như Ta hôm nay ngợi khen công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà; phương Đông cũng có vô lượng chư Phật như Đức Phật A-Súc-Bệ, Tu-Di-Tướng, Đại-Tu-Di, Tu-Di-Quang, Diệu-Âm, v.v...

Phạn ngữ IAST: Tadyathāpi nāma Śāriputrāham etarhi tasya tathāgatasya acintyān guṇān varṇayāmi, evam eva Śāriputra pūrvāyām diśi Akṣobhyo nāma tathāgatah, Merudhvajah, Mahāmeruh, Meruprabhāsah, Mañjusvarah...

> **Diễn giải:** Chư Phật phương Đông hằng hà sa số đồng thanh tán thán công đức bất khả tư nghị của pháp môn Tịnh Độ.

Câu 34

Đều ở tại nước mình hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới mà nói lời thành thật rằng: Chúng sinh các ngươi nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.

Phạn ngữ IAST: Te svaka-svakebhyo buddhakṣetrebhyah prabhūta-jihvendriyam nirnamayya tri-sāhasra-mahāsāhasram lokadhātum spharitvā satya-vacanam vadanti: Pratīyatha yūyam sattvā acintya-guṇa-parikīrtanam sarva-buddha-parigraham nāma dharmaparyāyam.

> **Diễn giải:** Tướng lưỡi rộng dài không nói dối: Biểu trưng cho chân lý tuyệt đối, mười phương chư Phật đồng bảo đảm và hộ trì người hành trì kinh này.

Câu 35

Phương Nam có: Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, v.v... chư Phật nhiều như cát sông Hằng đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên chúng sinh tin nhận.

Phạn ngữ IAST: Dakṣiṇāyāṃ diśi: Candrasūryapradīpah, Yaśaḥprabhah, Mahārciskandhah, Merupradīpah, Anantavīryah...

> **Diễn giải:** Chư Phật phương Nam đồng thanh ấn chứng và hộ niệm cho hành giả nhất tâm niệm Phật.

Câu 36

Phương Tây có: Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, v.v... chư Phật nhiều như cát sông Hằng đều khuyên tin nhận.

Phạn ngữ IAST: Paścimāyāṃ diśi: Amitāyuh, Amitaskandhah, Amitadhvajah, Mahāprabhah, Mahāratnah, Śuddharāśih...

> **Diễn giải:** Chư Phật phương Tây xưng tán bản hoài cứu độ muôn loài của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Câu 37

Phương Bắc có: Diễm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật, v.v... Phương Dưới có: Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Mạ Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, v.v...

Phạn ngữ IAST: Uttarāyāṃ diśi: Duṣpradharṣah, Jayasvarah, Amṛtaprabhah... Adhastāyāṃ diśi: Simhah, Yaśah, Yaśaḥprabhāsah, Dharmah, Dharmadhvajah, Dharmadharah...

> **Diễn giải:** Chư Phật phương Bắc và phương Dưới cùng gióng lên tiếng rống sư tử phá tan lưới nghi ngờ của chúng sinh trần gian.

Câu 38

Phương Trên có: Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, v.v...

Phạn ngữ IAST: Uparisṭhāyāṃ diśi: Brahmaghoṣaḥ, Nakṣatrarājaḥ, Gandhottamaḥ, Gandhaprabhāsaḥ, Mahārciskandhaḥ, Ratnakusumasaṃpuṣpitagātraḥ, Sālendrarājaḥ...

> **Diễn giải:** Chư Phật phương Trên trùm khắp mười phương pháp giới đồng thanh hộ niệm cho bất kỳ ai xưng niệm hồng danh A Di Đà.

Câu 39

Xá-Lợi-Phất! Vì sao tên là Kinh Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm? Vì hễ có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe kinh này mà thọ trì và nghe danh hiệu Đức Phật, thời đều được tất cả chư Phật hộ niệm, đều đắc Bất Thoái Chuyển nơi quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phạn ngữ IAST: Tat kiṃ manyase Śāriputra kena kāraṇena sarva-buddha-parigraho nāma dharmaparyāyo bhavati? Yaḥ kaścit kula-putro vā kula-duhitā vā asya dharmaparyāyasya nāmadheyaṃ dhārayiṣyati te sarve sarva-buddhaiḥ parigṛhītā bhaviṣyanti, avinivartanīyāś ca bhaviṣyanti anuttarāyāṃ samyaksambodhau.

> **Diễn giải:** Người thành tâm trì tụng kinh này sẽ được chư Phật mười phương phóng quang che chở hộ trì ngày đêm, tiêu trừ ma chướng hiểm nạn.

☸ 6. Kệ Tán Phật A Di Đà & Vãng Sanh Thần Chú

Câu 40

A Di Đà Phật thân kim sắc, Tướng hảo quang minh vô đẳng luân. Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di, Cám mục trừng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa Phật vô số ức, Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên. Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh, Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

Phạn ngữ IAST: Amitābha-buddha kāyo hiranyamayah, laksaṇair anupamaih prabhāsvarah. Ūrṇā-kośah pravartate pañca-meruvat, netre viśuddhe nīle catuḥ-sāgaravat. Prabhā-madhye nirmita-buddhā asaṃkhyeyāh, nirmita-bodhisattvāś cāpy aprameyāh. Aṣṭā-catvārimśad-praṇidhānair jagat-tārakah, nava-padma-sthair mokṣa-pāramitām gamayati.

> **Diễn giải:** Bài Kệ Tán Phật A Di Đà 8 câu bất hủ trong nghi thức chùa: Tán thán thân vàng rực rỡ, mắt biếc biển sâu, ánh quang minh hóa hiện vô số Phật và Bồ Tát đưa muôn loài lên 9 phẩm hoa sen bờ giác.

Câu 41

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật.

Phạn ngữ IAST: Namo 'mitābhāya Buddhāya. Namo 'mitābhāya Buddhāya. Namo 'mitābhāya Buddhāya.

> **Diễn giải:** Hồng danh quy mạng nương tựa Đức Từ Phụ A Di Đà - Kim chỉ nam thực hành công phu mỗi ngày của Phật tử Tịnh Độ.

Câu 42

Nam mô a di đa bà dạ. Đa tha già đa dạ. Đa địa dạ tha. A di rị đô bà tỳ. A di rị đa tất đam bà tỳ. A di rị đa tỳ ca lan đế. A di rị đa tỳ ca lan đa. Già di nị. Già già na. Chỉ đa ca lệ. Ta bà ha.

Phạn ngữ IAST: Namo 'mitābhāya tathāgatāya. Tadyathā: amṛtod-bhave, amṛta-siddhaṃbhave, amṛta-vikrānte, amṛta-vikrānta-gāmine, gagana-kīrti-kare svāhā.

> **Diễn giải:** Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni (Chú Vãng Sanh): Diệt trừ mọi tội chướng căn bản, bảo đảm hoa nở thấy Phật vãng sanh Tây Phương.

PHẦN III: TÁN PHẬT, THẦN CHÚ VÃNG SANH & HỒI HƯỚNG

1. Kệ Tán Phật A Di Đà (8 Câu Bất Hủ)

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

2. Niệm Phật Trì Danh (Kinh Hành)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.
Nam mô A Di Đà Phật. (Niệm từ 108 biến đến 1.000 biến tùy duyên)
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. (3 biến)
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (3 biến)
Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (3 biến)

3. Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni (Chú Vãng Sanh)

Nam mô a di đa bà dạ.
Đa tha già đa dạ. Đa địa dạ tha.
A di rị đô bà tỳ.
A di rị đa tất đam bà tỳ.
A di rị đa tỳ ca lan đế.
A di rị đa tỳ ca lan đa.
Già di nị. Già già na.
Chỉ đa ca lệ. Ta bà ha. (3 biến)

4. Kệ Hồi Hướng & Tam Tự Quy Y

Nguyện đem công đức này,
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ ba đường.
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát tâm Bồ Đề,
Hết một báo thân này,
Đồng sinh cõi Cực Lạc.

Tự quy y Phật: Xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.
Tự quy y Pháp: Xin nguyện chúng sinh, thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển.
Tự quy y Tăng: Xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại.
Hòa nam Thánh chúng. (3 lạy lui ra)

VẠN ĐỨC TRANG NGHIÊM • ĐỒNG SANH CỰC LẠC

Tài liệu được phát hành phục vụ miễn phí cho cộng đồng Phật tử tụng niệm hàng ngày.
Ứng Dụng Niệm (tungkinh.xyz / niem.app) - Kính chúc quý đạo hữu viên mãn phước huệ.